

Số: 19/2018/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý dịch vụ công ích vệ sinh môi trường
trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 224/TTr-STNMT ngày 06 tháng 4 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 07/STP-XDKTVB ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc thẩm định dự thảo văn bản; trên cơ sở kết luận của UBND thành phố tại phiên họp thường kỳ ngày 04 tháng 4 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 5 năm 2018 và thay thế Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2014 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành quy định phương thức đặt hàng thực hiện dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Cục trưởng Cục thuế Đà Nẵng; Chủ tịch UBND các quận, huyện và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Huỳnh Đức Thơ

QUY ĐỊNH

Về quản lý dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 07 tháng
5 năm 2018 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về quản lý dịch vụ công ích vệ sinh môi trường (thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, vệ sinh công cộng) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo phương thức đấu thầu, đặt hàng.

2. Trường hợp văn bản pháp luật chuyên ngành có quy định riêng về lựa chọn nhà thầu, nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường khác với quy định tại Quyết định này thì áp dụng quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành. Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, hợp tác xã đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động hợp pháp có cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường (sau đây gọi chung là nhà thầu thực hiện cung ứng dịch vụ công ích theo quy định).

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện dịch vụ công ích vệ sinh môi trường đô thị.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thanh toán cho hoạt động cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường đô thị tại Điều 1 Quy định này được sử dụng từ các nguồn: nguồn ngân sách nhà nước, nguồn thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc đấu thầu, đặt hàng

1. Đảm bảo công khai, minh bạch, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Việc lựa chọn nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường phải thực hiện theo đúng các quy định pháp luật nhà nước về đấu thầu, đặt hàng.

3. Nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường được lựa chọn không được chuyển giao công việc cho đơn vị khác khi chưa được sự chấp thuận của người có thẩm quyền và đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức đấu thầu, đặt hàng.

Điều 5. Lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

Việc lựa chọn phương thức cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Đấu thầu.
2. Đặt hàng.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định phương thức cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

1. UBND thành phố quyết định phương thức cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường thuộc dự toán chi ngân sách cấp thành phố và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường đối với công tác:

- Xử lý chất thải rắn đô thị tại nhà máy, khu liên hợp, bãi chôn lấp;
- Xử lý nước rỉ rác tại bãi chôn lấp Khánh Sơn.

2. UBND thành phố phân cấp cho UBND quận, huyện thực hiện đấu thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường đối với các công tác sau:

- Quét, gom rác trên hè, đường phố;
- Duy trì vệ sinh đường phố;
- Duy trì vệ sinh dải phân cách;
- Vớt rác trên sông bằng ghe, tàu;
- Tưới nước rửa đường;
- Thu gom, phân loại, vận chuyển chất thải rắn từ hộ gia đình đến địa điểm xử lý.

Điều 7. Thời gian cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

1. Đối với các dịch vụ công ích vệ sinh môi trường có tính chất thường xuyên:

a) Trường hợp đấu thầu: Thời gian thực hiện tối thiểu 03 (ba) năm, tối đa 05 (năm) năm, phân chia chi tiết từng năm làm cơ sở thanh, quyết toán theo niên độ ngân sách.

b) Trường hợp đặt hàng: Thời gian thực hiện tối đa 12 (mười hai) tháng và phù hợp với niên độ ngân sách.

2. Đối với các dịch vụ công ích vệ sinh môi trường có tính chất không thường xuyên: chủ đầu tư quyết định thời gian thực hiện gói thầu phù hợp với quy mô, tính chất của từng gói thầu.

3. Thời gian hoàn thành quy trình lựa chọn tổ chức cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường chậm nhất ngày 31 tháng 12 trước năm tổ chức đấu thầu.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

Quyền và nghĩa vụ của đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

Chương II

ĐẤU THẦU THỰC HIỆN CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Điều 9. Điều kiện tổ chức, điều kiện tham gia và trình tự đấu thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

Thực hiện theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 10. Lập, thẩm định và phê duyệt dự toán để hình thành giá gói thầu

1. Cấp thành phố:

a) UBND thành phố phê duyệt dự toán để hình thành giá gói thầu làm cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường lựa chọn nhà thầu.

b) Đơn vị được UBND thành phố giao lựa chọn nhà thầu có trách nhiệm lập dự toán các công việc liên quan để tổ chức lựa chọn nhà thầu gửi Sở Tài chính chậm nhất ngày 01/6 hàng năm để thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt theo quy định. Thời gian Sở Tài chính thẩm định, trình UBND thành phố phê duyệt dự toán tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

2. Cấp quận, huyện:

a) UBND quận, huyện được giao lựa chọn nhà thầu có trách nhiệm lập dự toán các công việc liên quan và thẩm định, phê duyệt dự toán để tổ chức lựa chọn nhà thầu.

b) Việc phê duyệt dự toán để hình thành giá gói thầu có thể thực hiện đồng thời với việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp này, UBND quận, huyện phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đồng nghĩa với việc đã phê duyệt dự toán các công việc liên quan đến gói thầu.

Điều 11. Xử lý các trường hợp phát sinh

1. Đối với trường hợp phát sinh khối lượng mới trong năm ngoài phạm vi, địa bàn đã thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu:

Các đơn vị được UBND thành phố giao; UBND quận, huyện tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định để triển khai thực hiện.

2. Đối với trường hợp phát sinh khối lượng mới trong phạm vi, địa bàn đã thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu:

- Trên cơ sở khối lượng mới phát sinh đã được thống nhất, bên mời thầu lập dự toán phần khối lượng mới phát sinh và thực hiện các bước theo quy định tại Điều 9, 10, Quy định này;

- Trên cơ sở dự toán khối lượng mới phát sinh được phê duyệt, bên mời thầu có trách nhiệm thực hiện thương thảo, điều chỉnh, bổ sung hợp đồng với nhà thầu đang thực hiện;

- Trường hợp không thương thảo thành công, bên mời thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu mới theo đúng quy trình lựa chọn nhà thầu để thực hiện đối với khối lượng công việc mới phát sinh.

Chương III

ĐẶT HÀNG THỰC HIỆN CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Điều kiện đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

1. Các nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường phải đăng ký ngành nghề kinh doanh, đăng ký hoạt động phù hợp, có đủ năng lực về tài chính, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động đáp ứng được các yêu cầu của hợp đồng đặt hàng.

2. Được UBND thành phố chấp thuận bằng văn bản phương thức cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường theo phương thức đặt hàng.

3. Trong trường hợp có từ 02 nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trở lên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này đề xuất tham gia thì ưu tiên lựa chọn nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường theo phương thức đặt hàng tự nguyện giảm giá cao nhất.

Điều 13. Trình tự đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

1. Hàng năm, vào trước ngày 20 tháng 7, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập dự toán chi tiết chi phí thực hiện dịch vụ công ích vệ sinh môi trường của năm sau theo đúng quy định gửi Sở Tài chính. Dự toán chi phí phải được xây dựng chi tiết theo từng loại dịch vụ cả về khối lượng và giá trị.

2. Trên cơ sở dự toán do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định dự toán. Việc thẩm định phải được thực hiện chi tiết theo từng loại dịch vụ và được ước tính, phân bổ theo quý đúng theo đơn giá quy định trình UBND thành phố phê duyệt làm cơ sở cho việc cấp phát, thanh toán. Đồng thời, căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp bố trí dự toán ngân sách để thực hiện dịch vụ công ích vệ sinh môi trường.

3. Sau khi có quyết định phê duyệt đặt hàng của UBND thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường thương thảo, ký hợp đồng với nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường nhận đặt hàng chậm nhất ngày 31/12 hàng năm.

4. Căn cứ Hợp đồng đặt hàng đã được ký kết, đơn vị nhận đặt hàng có trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc đảm bảo đúng yêu cầu quy định.

5. Sau khi kết thúc nhiệm vụ theo đơn đặt hàng, các Sở, ngành được giao nhiệm vụ đặt hàng phối hợp tổ chức thanh lý hợp đồng đặt hàng với đơn vị nhận đặt hàng.

Điều 14. Hồ sơ đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

Hồ sơ đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường gồm:

1. Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án đặt hàng sản xuất và cung ứng dịch vụ công ích (kèm theo dự thảo quyết định và hồ sơ đặt hàng).

2. Hồ sơ đặt hàng:

a) Phần Thuyết minh hồ sơ: bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Đơn vị nhận đặt hàng (tên đơn vị, trụ sở chính, giấy phép kinh doanh, vốn điều lệ).

- Thời gian đặt hàng; địa bàn đặt hàng.

- Đánh giá năng lực của đơn vị nhận đặt hàng: năng lực về tài chính, trình độ kỹ thuật, công nghệ sản xuất, trình độ quản lý và tay nghề của người lao động so với yêu cầu của gói thầu.

- Đánh giá kết quả thực hiện đặt hàng năm hiện hành (nếu có). Trong đó, phân tích rõ nguyên nhân tăng, giảm về khối lượng và giá trị giữa thực hiện đặt hàng so với quyết định đặt hàng được duyệt (phương án sau điều chỉnh nếu có).

- Thuyết minh cụ thể nguyên tắc, cơ sở đề xuất khối lượng đặt hàng năm kế hoạch (gồm khối lượng đặt hàng thường xuyên, đặt hàng không thường xuyên).

- Thuyết minh căn cứ áp dụng đơn giá để xác định giá trị đặt hàng;

- Thuyết minh, so sánh giữa phương án đặt hàng năm kế hoạch so với ước thực hiện của năm hiện hành; đánh giá, phân tích cụ thể nguyên nhân tăng, giảm (nếu có).

- Thuyết minh, giải trình một số nội dung khác có liên quan (nếu có).

b) Phần biểu mẫu:

- Biểu mẫu tổng hợp phương án đề xuất đặt hàng.

- Các biểu mẫu chi tiết thuyết minh số liệu.

Tùy từng lĩnh vực dịch vụ công ích, các đơn vị xây dựng các biểu mẫu về khối lượng, đơn giá, giá trị đặt hàng cho phù hợp.

c) Phần các văn bản pháp lý liên quan.

Điều 15. Một số chỉ tiêu chủ yếu trong hồ sơ đặt hàng

1. Chỉ tiêu khối lượng: được thiết lập cho từng lĩnh vực dịch vụ công ích gồm có các nội dung công việc đặt hàng thường xuyên và không thường xuyên.

a) Nội dung công việc đặt hàng thường xuyên: gồm các chỉ tiêu về khối lượng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì đề xuất. Khối lượng đặt hàng công việc thường xuyên được xác định trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật có tính đến yếu tố thực tiễn của từng lĩnh vực, từng địa bàn và khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

b) Nội dung công việc đặt hàng không thường xuyên: gồm các chỉ tiêu danh mục, khối lượng công việc cụ thể không thực hiện thường xuyên. Đây là các công việc cần thiết phải thực hiện trên cơ sở phù hợp khả năng cân đối ngân sách hàng năm.

2. Giá, đơn giá

a) Giá, đơn giá: được xác định trên cơ sở áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí hiện hành của nhà nước và được cấp có thẩm quyền ban hành theo Luật giá và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Giá trị đặt hàng là tổng giá trị khối lượng thực hiện đặt hàng trong năm, tính theo giá, đơn giá đặt hàng, được nhà nước thanh toán cho đơn vị nhận đặt hàng.

3. Doanh thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ công ích (nếu có): xác định số thu (tạm tính) từ hoạt động cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường; số thu được để lại theo quy định; số thu để giảm trừ phần kinh phí được nhà nước đặt hàng.

4. Tỷ lệ giảm giá: căn cứ tình hình kinh tế xã hội, khả năng cân đối ngân sách và năng lực tài chính của các nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính trình UBND thành phố quyết định tỷ lệ giảm giá theo từng lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích (nếu có) hoặc các nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích tự nguyện đề nghị tỷ lệ giảm giá khi nhận đặt hàng.

Điều 16. Xử lý các trường hợp phát sinh

1. Trường hợp trong năm phát sinh tăng, giảm công việc (thường xuyên và không thường xuyên) trong hoặc ngoài phạm vi đặt hàng đã được UBND thành phố phê duyệt thì nhà thầu cung ứng dịch vụ báo cáo phần khối lượng công việc phát sinh cho Sở Tài nguyên và Môi trường để gửi Sở Tài chính kiểm tra trình UBND thành phố phê duyệt điều chỉnh.

3. Thời gian gửi hồ sơ điều chỉnh đặt hàng đến Sở Tài chính chậm nhất ngày 10/10 hàng năm. Thời gian trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh đặt hàng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường chậm nhất ngày 31/10 hàng năm. Trường hợp đặc biệt do UBND thành phố xem xét, quyết định.

Chương IV
HỢP ĐỒNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG ÍCH VỆ SINH
MÔI TRƯỜNG

Điều 17. Hợp đồng thực hiện dịch vụ công ích vệ sinh môi trường đô thị bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Tên dịch vụ vệ sinh môi trường;
2. Địa bàn thực hiện;
3. Số lượng, khối lượng;
4. Chất lượng dịch vụ;
5. Giá, đơn giá;
6. Giá trị hợp đồng;
7. Thời gian thực hiện, hoàn thành;
8. Phương thức quản lý, giám sát;
9. Phương thức nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán;
10. Trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ đầu tư và đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường;
11. Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng và thủ tục giải quyết.

Ngoài ra, các bên có thể thỏa thuận bổ sung một số nội dung khác trong hợp đồng (kể cả việc giảm trừ giá trị được nhà nước thanh toán do vi phạm hợp đồng) nhưng không trái với quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều chỉnh giá trị hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

1. Nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường:
 - a) Việc điều chỉnh hợp đồng phải được quy định cụ thể trong văn bản hợp đồng, văn bản thỏa thuận về điều kiện của hợp đồng (nếu có).
 - b) Việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.
2. Tiên độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:
 - a) Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng.
 - b) Thay đổi phạm vi công việc, biện pháp thi công do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.
 - c) Việc bàn giao mặt bằng không đúng với các thỏa thuận trong hợp đồng ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu gây ra.
3. Điều chỉnh hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp nhà nước thay đổi về cơ chế, chính sách tiền lương; giá nguyên nhiên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện hợp đồng và được UBND thành phố chấp thuận về chủ trương, nguyên tắc điều chỉnh.

b) Trường hợp nhà nước điều chỉnh, sửa đổi định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị hợp đồng và được UBND thành phố cho phép điều chỉnh (kể từ thời điểm các chính sách này có hiệu lực).

c) Trường hợp có khối lượng, số lượng phát sinh hợp lý (tăng hoặc giảm) hoặc do nguyên nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUẢN LÝ, GIÁM SÁT, NGHIỆM THU, TẠM ỨNG, THANH TOÁN, QUYẾT TOÁN

Điều 19. Quản lý, giám sát và nghiệm thu

1. Các chủ đầu tư được UBND thành phố giao thực hiện hoạt động dịch vụ vệ sinh môi trường tại Điều 6 quy định này có trách nhiệm ban hành quy trình giám sát, nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc theo định mức, yêu cầu chất lượng theo quy định hiện hành đã được quy định trong hồ sơ hợp đồng và văn bản quy định có liên quan làm cơ sở tổ chức thực hiện hoặc báo cáo UBND thành phố cho phép thuê đơn vị có chức năng để quản lý, giám sát, kiểm tra quá trình thực hiện hợp đồng cả về thời gian và khối lượng, chất lượng làm cơ sở để nghiệm thu.

2. Quy trình giám sát, nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Nghiệm thu

- Công tác nghiệm thu khối lượng, chất lượng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường được tổ chức định kỳ theo quy định hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

- Nghiệm thu đảm bảo đúng thực tế, đúng thời điểm và kịp thời, các yêu cầu về kỹ thuật theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

b) Hồ sơ nghiệm thu

Sổ nhật ký, biên bản nghiệm thu. Nội dung nghiệm thu phải chi tiết cho từng dịch vụ vệ sinh môi trường, phải thể hiện đầy đủ các tiêu chí: Khối lượng dịch vụ vệ sinh môi trường đã thực hiện; chất lượng công việc đã hoàn thành; thông số kỹ thuật theo đúng quy định của nhà nước.

c) Thành phần tham gia nghiệm thu

- Nghiệm thu theo ngày bằng hình thức sổ nhật ký: Đơn vị cung dịch vụ công ích vệ sinh môi trường tự tổ chức ghi sổ nhật ký, có xác nhận của đơn vị giám sát;

- Nghiệm thu tháng: Gồm cán bộ giám sát của đơn vị được giao làm chủ đầu tư và đại diện đơn vị thực hiện hợp đồng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường;

- Nghiệm thu định kỳ hàng quý, nghiệm thu theo công việc phát sinh: Lãnh đạo của đơn vị được giao làm chủ đầu tư và các phòng chuyên môn, UBND xã, phường (nếu có) có liên quan Thủ trưởng đơn vị thực hiện Hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường.

d) Thời gian nghiệm thu:

- Nghiệm thu hàng tháng: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng tiếp theo; thời gian nghiệm thu tháng cuối quý thực hiện cùng thời điểm nghiệm thu hàng quý;

- Nghiệm thu hàng quý: Từ ngày 01 đến ngày 05 của tháng liền kề tháng cuối quý;

- Nghiệm thu năm: Nghiệm thu vào tuần đầu tiên của năm tiếp theo trên cơ sở hợp đồng đã ký.

Điều 20. Nguyên tắc tạm ứng, thanh toán, quyết toán

Việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường thực hiện theo hợp đồng được ký kết và theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Chủ đầu tư được giao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ công ích vệ sinh môi trường

1. Lập dự toán dịch vụ công ích vệ sinh môi trường, tổ chức thẩm định và phê duyệt hoặc trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điều 10 và Điều 13 Quy định này.

2. Sau khi có quyết định phê duyệt dự toán chi tiết của cấp có thẩm quyền, tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng ký hợp đồng cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường đảm bảo theo quy định.

3. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được giao theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện tạm ứng, thanh toán kịp thời theo quy định trong phạm vi dự toán được giao.

4. Quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng cả về quy trình, khối lượng, thời gian, chất lượng đối với các dịch vụ công ích vệ sinh môi trường do tổ chức cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường thực hiện trên địa bàn được giao quản lý.

5. Tổng hợp báo cáo quyết toán giá trị dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trong năm cùng thời điểm quyết toán ngân sách, trình cấp có thẩm quyền để thẩm tra theo quy định.

6. Chịu trách nhiệm trước UBND thành phố về kết quả thực hiện công tác dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố.

Điều 22. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Có ý kiến bằng văn bản đối với nội dung công việc và khối lượng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường do chủ đầu tư lập.

2. Hướng dẫn chủ đầu tư được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện dịch vụ công ích vệ sinh môi trường áp dụng, vận dụng các định mức, đơn giá dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố.

Điều 23. Sở Tài chính

1. Hàng năm, trên cơ sở dự toán do chủ đầu tư xây dựng và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí dịch vụ vệ sinh công ích, báo cáo UBND thành phố trình HĐND thành phố xem xét, phê duyệt theo quy định.

2. Thẩm định dự toán để hình thành giá gói thầu và thẩm tra quyết toán theo quy định hiện hành trình UBND thành phố phê duyệt đối với kinh phí thuộc dự toán chi ngân sách cấp thành phố.

3. Thẩm định và trình UBND thành phố phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường theo quy định.

Điều 24. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, thẩm định phương án lựa chọn nhà thầu để báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định.

2. Chủ trì hướng dẫn các đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 25. Đơn vị cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường

1. Tổ chức cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường theo đúng hợp đồng đã ký kết, đảm bảo quy trình kỹ thuật và chất lượng quy định.

2. Lập kế hoạch thực hiện dịch vụ công ích vệ sinh môi trường hàng tháng, quý, năm theo hợp đồng, báo cáo chủ đầu tư để có cơ sở kiểm tra, giám sát.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về đảm bảo an toàn lao động và an toàn giao thông trong quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý đô thị, giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà nước trong quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường.

5. Chịu trách nhiệm về quyết toán các dịch vụ vệ sinh môi trường và quyết toán tài chính theo đúng chế độ quy định, nộp đầy đủ các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

6. Chấp hành việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng trong quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường. Phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng liên quan những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường.

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

Đối với các gói thầu cung ứng dịch vụ công ích vệ sinh môi trường đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, đang trong thời gian thực hiện hợp đồng thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời gian đã được quy định trong hợp đồng.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, phát sinh mới, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Đức Thơ